TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM-PT
Ngày: 30 - 5 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Khánh
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng và bà Nguyễn Thị Hằng
***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Hà - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 25/2017/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2017/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty D.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Hương G - Chức vụ: Tổng giám đốc - Địa chỉ: Số X Quốc lộ Y, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Đ - Địa chỉ: HV, phường TA, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T; địa chỉ: Tổ dân phố Z, phường AB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thảo S - Địa chỉ: Khối W, thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn: Công ty D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang Đ trình bày:

Ngày 01/01/2014 Công ty D - Chi nhánh Tây Nguyên và ông Nguyễn Hữu T - Chủ nhà thuốc BT có ký hợp đồng nguyên tắc số 57/HĐNT.NT-DMC-2014. Theo đó, Công ty D sẽ cung cấp các sản phẩm thuốc theo yêu cầu của ông T trong vòng 72 giờ kể từ ngày công ty D chấp nhận đơn đặt hàng, chứng từ giao hàng là các hóa đơn giá trị gia tăng. Ngược lại ông T có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho công ty D trong vòng 45 ngày kể từ ngày giao hàng. Trường hợp ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu phạt vi phạm với mức phạt bằng lãi suất vay ngắn hạn do ngân hàng Vietcombank công bố tại từng thời điểm.

Thực hiện theo thỏa thuận, từ tháng 03/2014 công ty D đã xuất cho ông T các hóa đơn sau:

Ngày 28/3/2014, công ty D xuất hóa đơn số 2119 trị giá 24.747.377 đồng.

Ngày 19/5/2014 và ngày 31/5/2014, công ty D xuất 04 hóa đơn số 3741; 3742; 4207; 4208 với tổng giá trị 76.096.902 đồng.

Ngày 04/6/2014 đến ngày 30/6/2014 công ty D xuất 04 hóa đơn số 4320; 4569; 5096; 5097 với tổng giá trị 43.520.062 đồng.

Ngày 28 và ngày 29/8/2014 công ty D xuất 03 hóa đơn số 7301; 7358; 7381 với tổng giá trị 179.826.629 đồng.

Tổng giá trị của các hóa đơn là 324.190.970 đồng, ông T thanh toán được 16.086.565 đồng và tính đến hết ngày 30/9/2014 ông T còn nợ công ty D số tiền 308.104.405 đồng.

Qua nhiều lần gặp ông T và yêu cầu ông T thanh toán tiền cho công ty D nhưng ông T không thực hiện và ông T có lập cam kết trả nợ ngày 20/11/2014, nhưng đến thời điểm hiện nay Công ty D chưa nhận được tiền thanh toán của ông T. Nay công ty D yêu cầu Tòa án giải quyết và buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là 308.104.405 đồng và lãi suất ngắn hạn do Ngân hàng V công bố là 8%/năm, tức 0.67%/tháng tính từ ngày 13/10/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tạm tính là 23 tháng cụ thể: 308.104.405 x 0.67 x 23 tháng = 47.478.889 đồng. Như vậy tổng số tiền công ty D - Chi nhánh Tây Nguyên yêu cầu ông T phải trả là 355.583.294 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Hữu T không đến Tòa án để làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thảo S trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Hữu T không có quan hệ gì với nhau chỉ biết nhau qua một người bạn. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40A8020776 ngày 04/7/2014 do tôi đứng tên, tuy nhiên người trực tiếp quản lý là ông Nguyễn Hữu T là người thuê bằng cấp của tôi để mở hiệu thuốc và chúng tôi giao dịch tại PNL,

phường TC, thành phố B, hiện nay ông T ở đâu tôi không biết. Năm 2015 tôi bị Sở y tế gọi lên thu giấp phép hành nghề, giấy phép kinh doanh và xử phạt, vì vậy tôi không liên quan đến nhà thuốc BT nữa. Nay Công ty cổ phần y tế D khởi kiện ông T tôi không liên quan đến số tiền này vì mọi giao dịch quản lý và kinh doanh ông T là người trực tiếp giao dịch, tôi chỉ đứng ra quản lý về mặt chuyên môn.

Tại bản án số 03/2017/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự*;* các điều 24; 34; 50; 54; 55 Luật thương mại.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D yêu cầu ông Nguyễn Hữu T trả số tiền 308.104.405 đồng và lãi suất là 47.478.889 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2017 nguyên đơn Công ty D kháng cáo toàn bộ nội dung bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn thanh toán 308.104.405 đồng và lãi suất chậm trả 47.478.889 đồng.

Ngày 10/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ có quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-KDTM đối với bản án số kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Công ty D giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị số: 03/QĐKNPT-KDTM, ngày 10/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số

03/2017/KDTM ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hữu T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và không tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản hợp lệ theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc vắng mặt không tham gia tố tụng của bị đơn, đồng thời giải thích cho nguyên đơn biết việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn tại giấy cam kết trả nợ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án là cần thiết. Tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bị đơn, nguyên đơn từ chối nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự. Lẽ ra, trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải ra quyết định đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân năm 2015. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định: *Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, nên chưa đủ căn cứ buộc ông Nguyễn Hữu T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền trên và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn* là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm mất quyền khởi kiện vụ án lại của nguyên đơn. Vì vậy sau khi xét xử sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân thị xã BH kháng nghị theo hướng hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ.

Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để buộc bị đơn phải thanh toán 308.104.405 đồng và lãi suất chậm trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 47.478.889 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kháng cáo, ngày 12/02/2018, ông Lê Quang Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên làm đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Hữu T trong Bảng đối chiếu công nợ lập ngày 02/10/2014 và giấy cam kết trả nợ lập ngày 20/11/2014. Xét thấy quyền yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên ngày 19/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định trưng cầu giám định

số 05/2018/QĐ – TCGĐ trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thực hiện giám định chữ ký, chữ viết đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Bảng đối chiếu công nợ lập ngày 02/10/2014 và giấy cam kết trả nợ lập ngày 20/11/2014. Ngày 02/4/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk ban hành Kết luận giám định số 42/PC54 với nội dung: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu T trong các tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu T trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Mặc dù nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, nhằm bổ sung thêm chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Hữu T vắng mặt, nên bị đơn không biết được việc nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ mới, đồng thời Hội đồng xét xử xét thấy việc vi phạm thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm như phân tích, nhận định ở phần trên là nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến quyền khởi kiện và quyền kháng cáo của các đương sự, mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 310, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ và chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm, để hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo thủ tục chung.

Đối với tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định là 2.000.000 đồng, nhưng Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ chỉ thông báo cho đương sự kháng cáo nộp tạm ứng là 300.000 đồng là không đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty D không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng nghị số: 03/QĐKNPT-KDTM, ngày 10/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[2.1] Án phí sơ thẩm và chi phí giám định chữ ký, chữ viết sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án.

[2.3] Án phí phúc thẩm: Trả lại cho nguyên đơn Công ty D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000997 ngày 16/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Cổng TTĐT;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. BH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hoàng Kim Khánh